

BẢNG XẾP HẠNG QS

Tổ chức xếp hạng QS (Quacquarelli Symonds - Anh) là tổ chức xếp hạng đại học thường niên cho các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) trên toàn thế giới. Ban đầu, hệ thống xếp hạng của THE-QS là sự hợp tác giữa Tạp chí THE (Times Higher Education) và QS (Quacquarelli Symonds). Hệ thống này tồn tại từ năm 2004 đến năm 2009 dưới tên gọi đầu tiên là THES, sau đó đổi thành THE-QS. Đến năm 2009, THE không tiếp tục hợp tác với QS và tách riêng ra. QS sau đó tiếp tục sử dụng bảng xếp hạng này và đổi thành QS World University Ranking (WUR) và tiếp tục bổ sung các bảng xếp hạng theo khu vực như Bảng xếp hạng các trường đại học châu Á (QS AUR); bảng xếp hạng thế giới theo lĩnh vực (QS WUR by Subject); Bảng xếp hạng các trường đại học trẻ QS top 50 under 50.

1. Tiêu chí và phương pháp xếp hạng

Nhìn chung, các bảng xếp hạng của QS đều sử dụng phương pháp xếp hạng thông qua 6 tiêu chí của QS WUR¹.

Tiêu chí		Giải thích	Trọng số
Academic Reputation	Uy tín học thuật	Đánh giá và bầu chọn của học giả toàn cầu về những CSGDĐH có chất lượng nghiên cứu tốt nhất trên thế giới.	40%
Employer Reputation	Uy tín tuyển dụng	Đánh giá và bầu chọn của nhà tuyển dụng về những CSGDĐH cung cấp nhân lực nghề nghiệp tốt nhất cho thị trường lao động.	10%
Faculty Student Ratio	Tỷ lệ giảng viên/ người học	Tỷ lệ giữa giảng viên/người học gián tiếp cho thấy sự cam kết về chất lượng đào tạo của trường đại học.	20%
Citations per Faculty	Số trích dẫn/ giảng viên	Đánh giá tác động và chất lượng nghiên cứu của trường đại học dựa trên CSDL Scopus trong giai đoạn 5 năm.	20%

¹ <https://www.topuniversities.com/qs-world-university-rankings/methodology>

<u>International Faculty Ratio</u>	Tỷ lệ giảng viên quốc tế	Tỷ lệ % GV là người nước ngoài, đo lường khả năng thu hút giảng viên quốc tế đến làm việc của trường đại học.	5%
<u>International Student Ratio</u>	Tỷ lệ người học quốc tế	Tỷ lệ % người học là người nước ngoài, đo lường khả năng thu hút sinh viên quốc tế đến học tập của một trường đại học.	5%

Ngoài QS WUR, ĐHQGHN còn tham gia QS AUR (Bảng xếp hạng các CSGDDH Châu Á) với phương pháp xếp hạng được mở rộng hơn so với QS WUR với 11 tiêu chí:

Tiêu chí		Giải thích	Trọng số
<u>Academic Reputation</u>	Uy tín học thuật	Đánh giá và bầu chọn của học giả toàn cầu về những CSGDDH có chất lượng nghiên cứu tốt nhất trên thế giới.	30%
Employer Reputation	Uy tín tuyển dụng	Đánh giá và bầu chọn của nhà tuyển dụng về những CSGDDH cung cấp nhân lực nghề nghiệp tốt nhất cho thị trường lao động.	20%
<u>Faculty Student Ratio</u>	Tỷ lệ giảng viên/ người học	Tỷ lệ giữa giảng viên/người học gián tiếp cho thấy sự cam kết về chất lượng đào tạo của trường đại học.	10%
Citations per Paper	Số trích dẫn/ giảng viên	Đánh giá tác động và chất lượng nghiên cứu của trường đại học dựa trên CSDL Scopus trong giai đoạn 5 năm.	10%
<u>International Research Network</u>	Mạng lưới nghiên cứu quốc tế	Đánh giá mức độ đa dạng quốc tế trong hợp tác nghiên cứu của các CSGDDH	10%

Papers per Faculty	Số công bố khoa học/ giảng viên	Đánh giá năng suất công bố khoa học của các CSGDDH	5%
Staff with PhD	Tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ (hoặc tương đương)	Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học của các CSGDDH	5%
International Student Ratio	Tỷ lệ giảng viên quốc tế	Tỷ lệ % GV là người nước ngoài, đo lường khả năng thu hút giảng viên quốc tế đến làm việc của trường đại học.	2.5%
International Faculty Ratio	Tỷ lệ người học quốc tế	Tỷ lệ % người học là người nước ngoài, đo lường khả năng thu hút sinh viên quốc tế đến học tập của một trường đại học.	2.5%
Inbound Exchange Student Ratio	Tỷ lệ người học đến trao đổi		2.5%
Outbound Exchange Student Ratio	Tỷ lệ người học đi trao đổi		2.5%

Đối với các bảng xếp hạng khác nhau, tổ chức xếp hạng QS đều có những điều chỉnh về tiêu chí và trọng số để phù hợp với đặc thù xếp hạng. Đối với xếp hạng lĩnh vực, QS WUR by Subject phân thành 5 lĩnh vực (Arts & Humanities; Engineering &

Technology; Life Sciences & Medicine; Natural Sciences; Social Sciences & Management) với 51 chuyên ngành².

2. Thu thập và định nghĩa dữ liệu

2.1. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu phục vụ xếp hạng của QS được xác định từ 2 nguồn:

- Dữ liệu do QS tổng hợp và thu thập
- Dữ liệu do các CSGDDH cung cấp

a. Dữ liệu do QS tổng hợp

- Khảo sát về uy tín học thuật: QS thực hiện khảo sát các học giả hàng năm về đánh giá và bầu chọn cho các CSGDDH có chất lượng giảng dạy/nghiên cứu tốt nhất. Trong đó, danh sách học giả QS khảo sát được lấy từ danh sách học giả các CSGDDH tham gia bảng xếp hạng cung cấp cho tổ chức QS.

- Khảo sát về uy tín tuyển dụng: tương tự với khảo sát về uy tín học thuật, khảo sát uy tín tuyển dụng khảo sát nhà tuyển dụng hàng năm.

- Dữ liệu về nghiên cứu khoa học: QS sử dụng dữ liệu về công bố khoa học trên CSDL Scopus với các nghiên cứu trong 5 năm liên tiếp và số lượng trích dẫn trong 6 năm gần nhất.

b. Dữ liệu do CSGDDH cung cấp

- Danh sách học giả: CSGDDH nên cung cấp danh sách học giả có hợp tác với đơn vị trong thời gian gần đây. Danh sách sẽ được sử dụng theo chu trình 5 năm nên trong 5 năm liên tiếp nên cung cấp danh sách học giả không trùng nhau. Danh sách bao gồm tối đa 400 học giả được tải lên trang dữ liệu của QS theo mẫu ở [đây](#).

- Danh sách nhà tuyển dụng: tương tự với danh sách học giả, mỗi năm CSGDDH cung cấp danh sách tối đa 400 nhà tuyển dụng có sử dụng người học tốt nghiệp từ CSGDDG. Danh sách được sử dụng theo mẫu ở [đây](#).

² <https://www.topuniversities.com/subject-rankings/methodology>

- Dữ liệu cốt yếu bao gồm các dữ liệu sau (với mỗi loại dữ liệu, CSGDDH cần cung cấp số lượng full-time, part-time, head-count và FTE – định nghĩa chi tiết về cách tính có thể tham khảo ở [đây](#)):

Dữ liệu	Phân loại		Loại dữ liệu			
			(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4) = (1)+(2)/3
Cán bộ khoa học	Tổng số (trong nước - quốc tế)		Full-time (Cơ hữu)	Part-time (Thỉnh giảng)	Head-count (Tổng)	FTE (Quy đổi)
	Quốc tế					
	Có trình độ tiến sĩ					
Người học	Sinh viên	Tổng số	Full-time (Chính quy)	Part-time (vừa học vừa làm)	Head-count (Tổng)	FTE (Quy đổi)
	Học viên cao học					
	Nghiên cứu sinh	Quốc tế				

- Số lượng giảng viên trao đổi (đến – đi): số lượng giảng viên đến làm việc (hoặc được cử đi làm việc ở một CSGDDH quốc tế) trong thời gian tối thiểu 3 tháng.

- Số lượng người học trao đổi (đến – đi): số lượng sinh viên đến học tập – nghiên cứu (hoặc được cử đi học tập – nghiên cứu ở một CSGDDH quốc tế) ít nhất 1 học kỳ (việc trao đổi phải mang tính học thuật và có thỏa thuận chính thức giữa 2 CSGDDH).

2.2. Xử lý dữ liệu

Mỗi tiêu chí sẽ được tính toán và chuẩn hóa bằng Z-score theo thang điểm 100.

Sau đó, dựa vào trọng số điểm và điểm được chuẩn hóa, QS sẽ tính toán điểm cho các CSGDDH.

3. Thời gian thu thập dữ liệu

Hàng năm, hạn chót thu thập dữ liệu chính xác sẽ được gửi về đầu mỗi xếp hạng của các CSGDDH – tuy nhiên, các mốc thời gian này sẽ nằm trong khoảng:

Dữ liệu	Thời gian Viện ĐBCLGD dữ liệu	Hạn nộp dữ liệu cho QS
Cung cấp danh sách học giả - nhà tuyển dụng	Cuối tháng 12	Tháng 1
Dữ liệu cốt yếu phục vụ QS WUR	Cuối tháng 12	Tháng 1
Dữ liệu cốt yếu phục vụ QS AUR (bổ sung dữ liệu so với đợt tháng 1)	Cuối tháng 12	Tháng 3

Thời gian công bố kết quả dự kiến hàng năm

Bảng xếp hạng	Thời gian công bố
QS WUR	Tháng 6
QS AUR	Tháng 10-11
QS WUR by Subject	Tháng 3 năm tiếp theo